TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ–ST
Ngày 14-7-2022.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Chuyên, ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980.

HKTT: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

HKTT: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-5-2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 26-01-2000 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong việc xây dựng kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra tranh cãi. Chị và anh T đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng không có kết quả, từ tháng 01-2021 chị đã chuyển về sống tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 02-4-2002 và cháu Nguyễn Nhật N, sinh ngày 28-8-2013. Cháu T đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 06-5-2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như chị C đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh và chị C chung sống hạnh phúc. Từ năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về xây dựng kinh tế gia đình. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị C làm đơn xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Anh và chị Nguyễn Thị C có 02 con chung như chị C đã trình bày. Cháu T đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Nhật N, sinh ngày 28-8-2013 và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn T. Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh T có nơi cư trú tại tổ dân phố P, phường Ng, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Chị C và anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 01-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về việc xây dựng kinh tế gia đình, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã trầm trọng dẫn đến ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 02-4-2002 và cháu Nguyễn Nhật N, sinh ngày 28-8-2013. Cháu T đã trưởng thành, chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C và anh T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng con của chị C, anh T đều phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện nay, cháu N đang có cuộc sống ổn định cùng chị C và có nguyện vọng được ở với chị C. Do đó, cần giao cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị C là phù hợp nên cần buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho tới khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các vấn đề khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Nhật N, sinh ngày 28-8-2013 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu N là 2.000.000 đồng/ 01 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh T chưa thi hành, thì hàng tháng anh T còn phải chịu tiền lãi

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000248 ngày 13-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND. TP Yên Bái;
- Chi cục THADS. TP Yên Bái;
- Các đương sự;
-UBND phường Hồng Hà;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thế Hòa